

TÔNG CẢNH LỤC**QUYỂN 80**

Hỏi: Phàm, vào Tông Kính làm sao rõ tất cả pháp như hóa?

Đáp: Vì muôn pháp không thể, danh tướng vốn không, không mà nhận có, gọi đó là hóa. Trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Thập Nhẫn nói: “Phật tử! Thế nào là vị Đại Bồ-tát nhẫn như hóa? Phật tử! Vị Đại Bồ-tát đây biết tất cả thế gian thủy đều như hóa, chỗ gọi là tất cả chúng sinh ý nghiệp hóa, chỗ giác tưởng khởi vậy, tất cả thế gian chỗ các hành hóa phân biệt khởi vậy. Tất cả điên đảo khổ lạc hóa là chỗ vọng thủ khởi vậy. Tất cả thế gian pháp chẳng thật hóa là chỗ ngôn thuyết hiện vậy. Tất cả phiền não phân biệt hóa, là chỗ niệm tưởng khởi vậy. Lại có thanh tịnh điều phục hóa, chỗ không phân biệt hiện vậy, ở ba đời chẳng chuyển hóa, không sinh bình đẳng vậy. Bồ-tát nguyện lực hóa, tu hành rộng lớn vậy, Như Lai đại bi hóa, phương tiện hiện bày vậy, chuyển pháp luân phương tiện hóa, là chỗ trí tuệ vô úy biện tài nói vậy. Bồ-tát rõ biết thế gian xuất thế gian hóa như vậy. Hiện chứng biết, biết rộng lớn, biết vô biên, biết như sự, biết tự tại, biết chân thật, chẳng phải chỗ thấy hư vọng năng lay động, tùy chỗ thế gian hành cũng chẳng hoại mất. Thí như hóa chẳng từ tâm khởi, chẳng từ tâm pháp khởi, chẳng từ nghiệp khởi, chẳng thọ quả báo, chẳng phải thế gian sinh, chẳng phải thế gian diệt. Chẳng thể tùy theo, chẳng thể quấy xúc, chẳng phải trú lâu, chẳng phải trú khoảnh khắc, chẳng phải hành thế gian, chẳng hải lìa thế gian, chẳng chuyên ràng buộc một phương, chẳng thuộc khắp các phương, chẳng phải có lượng không lượng, chẳng nhằm chẳng dứt, chẳng phải chẳng nhằm dứt, chẳng phải phàm chẳng phải Thánh, chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, chẳng phải sinh chẳng phải tử, chẳng phải trí chẳng phải ngu, chẳng phải thấy chẳng phải chẳng thấy, chẳng phải nương thế gian, chẳng phải vào pháp giới, chẳng phải sáng suốt chẳng phải chậm lụt, chẳng phải thủ, chẳng phải chẳng thủ, chẳng phải sinh tử chẳng phải Niết-bàn, chẳng phải có chẳng phải không, có Bồ-tát phương tiện khéo léo như vậy, hành ở thế gian tu đạo Bồ-tát, rõ biết thế

pháp, phân thân hóa đến, chẳng đấm thế gian, chẳng thủ tự thân không chỗ phân biệt, chẳng trú thế gian chẳng lìa thế gian, chẳng trú nơi pháp chẳng lìa nơi pháp. Vì bản nguyện nên chẳng xả bỏ một chúng sinh giới, chẳng điều phục ít chúng sinh giới, chẳng phân biệt pháp, chẳng phải chẳng phân biệt. Biết tánh các pháp không đi không lại, tuy không chỗ có mà khắp đầy Phật pháp rõ pháp như hóa chẳng phải có chẳng phải không. Phật tử! Vị Đại Bồ-tát an trú như vậy, lúc nhãn như hóa, đều năng đầy đủ đạo của tất cả chư Phật Bồ-đề, lợi ích chúng sinh. Đó gọi là nhãn như hóa thứ chín của vị Đại Bồ-tát”. Nên biết pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa sinh, dùng nhân của không làm thọ quả của chột có. Nên Lục Tổ nói: “Tư duy ác pháp tức hóa làm địa ngục, tư duy thiện pháp tức hóa làm thiên đường, độc hại hóa làm súc sinh, tử bi hóa làm Bồ-tát, cho đến đều là tự tánh biến hóa”. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Hỏi: Nếu tất cả pháp đều không, như hóa, cớ sao có các thứ nói pháp sai biệt? Đáp: Như chỗ Phật hóa và chỗ các người khác hóa tuy chẳng thật mà có các thứ hình tượng riêng khác, chỗ thấy các thứ trong mộng cũng như vậy. Người thấy sự tốt xấu trong mộng, có sinh vui mừng, có sinh khiếp sợ, như ảnh tượng trong gương tuy không thật sự mà tùy hình gốc nên ảnh tượng có xấu đẹp. Các pháp cũng như vậy, tuy không mà mỗi mỗi có nhân duyên. Như Phật nói trong đây, ở trong hóa pháp đó, có Thanh văn biến hóa, có Bích-chi-phật biến hóa, có Bồ-tát biến hóa, có Phật biến hóa, có phiền não biến hóa, có nghiệp biến hóa”. Lại nói: Như hóa là hóa chủ, không định vật, chỉ do tâm sinh bèn có chỗ làm đều không có thật. Thân người cũng như vậy, vốn không chỗ nhân, chỉ từ tâm đời trước sinh thân đời này, đều không có thật. Vì vật nên các pháp như hóa.

Hỏi: Chẳng nên nói biến hóa sự không, cớ sao biến hóa tâm cũng từ tu định được? Từ tâm đây làm các thứ biến hóa, hoặc nhân hoặc pháp là hóa có nhân được quả cớ sao không?

Đáp: Như Đức Phật nói: Quán không sinh từ có sinh được thoát, nương vô vi từ hữu vi được thoát, tuy quán pháp không sinh không mà có thể làm nhân duyên, vô vi cũng vậy, biến hóa tuy không cũng năng sinh tâm nhân duyên. Lại nữa, không chẳng vì chẳng thấy là không. Vì không thật dụng đó nên nói không, vì vậy nên nói các pháp như hóa. Nên biết tất cả các pháp từ tâm sinh đều như huyễn hóa, tuy huyễn hóa chẳng thật, cũng có thể làm nhân duyên của thiện ác thọ báo ứng của thăng trầm, không thể sinh ở đoạn kiến, chỉ rõ thể hư chớ sinh lấy bỏ.

Hỏi: Phàm, pháp có tướng đều từ biến hóa, tâm không hình tướng

cớ sao hóa hiện?

Đáp: Tâm vốn là hóa, lý chẳng nghĩ bàn, từ tâm hiện tâm như hóa khởi hóa. Trong luận Phật Địa nói: “Tâm hóa chỉ hai: Một, tự thân tương ứng, nghĩa là từ trên tâm hóa hiện các thứ tâm và tâm pháp ảnh tượng sai biệt; Hai, tha thân tương ứng, nghĩa là khiến tha tâm cũng hiện các thứ tâm và tâm pháp ảnh tượng sai biệt. Đây đều là tướng phần tự kiến phần hiện, có nghĩa định lực năng khiến tự tâm giải chẳng phải phân pháp, gọi là hóa tự tâm, qua lại giúp hữu tình khiến hàng ngu muội giải pháp sâu mâu, khiến hàng thất niệm được chánh nghĩ nhớ, gọi là hóa tha tâm. Nhưng tâm không hóa, vì không hình chất. Như trong luận nói: Tâm không hình nên chẳng thể biến hóa. Lại nói: Pháp thân không tâm tâm pháp, đây là căn cứ hàng Nhị thừa và các chúng sinh khác định lực mà nói. Định lực của kia yếu kém, chẳng năng hóa hiện pháp không hình không chất, chư Phật Bồ-tát định chẳng thể nghĩ bàn đều năng hóa hiện, nếu chẳng như vậy, cớ sao Đức Như Lai hiện tham sân v.v... cớ sao Thanh văn và loài bàng sinh v.v... biết tâm Như Lai? Cớ sao trong kinh nói hóa vô lượng loại đều khiến có tâm? Cớ sao luận đây nói các hóa ý nghiệp, cớ sao trong kinh nói tâm y tha, chỉ các hóa sắc đồng thật sắc dụng. Hóa căn và tâm chỉ có tướng hiện, chẳng đồng thật dụng. Lại, căn cứ loại dưới nên nói như vậy. Nếu vậy cớ sao chẳng hóa chẳng phải tình khiến tâm tướng hiện. Nếu tâm tướng hiện thì gọi là hữu tình, chẳng phải chẳng phải tình gồm. Cho nên hóa tâm chỉ nói hai thứ: Một, tự thân; Hai, tha thân hóa v.v...

Hỏi: Pháp một tâm đây, lý không khác vết, ước về cơ đối pháp giáo có nhiều môn, ở trong một pháp danh tự sai biệt, hoặc gọi là Phật tánh, hoặc xưng là Như Lai tạng, cớ sao thành nghĩa tạng, cớ sao gọi là Phật tánh?

Đáp: Như Lai tạng là tâm chân thức, là trong chân tâm có đầy đủ Hằng sa diệu Phật pháp, như trong vọng tâm có đầy đủ hằng sa nhiễm pháp, là tâm và pháp đồng một thể tánh, nên gọi là Như Lai tạng, tức tất cả chúng sinh có Như Lai tạng năng làm nhân Phật, gọi là có Phật tánh, như ngử trong tâm có tánh giác ngộ. Như trong đá vàng có tánh vàng, trong đá trắng có tánh bạc, trong tất cả pháp thế gian như vậy đều có tánh Niết-bàn, tánh đây tức là chúng sinh tự thật, nên gọi là ngã, ngã tức Phật tánh, ẩn thì gọi là Như Lai tạng, hiển thì gọi là pháp thân.

Hỏi: Nếu chúng sinh tự thật gọi là Phật tánh, giác ngộ tánh đây nên gọi là Phật. Chỉ rõ một tánh tức khế hợp cội nguồn. Cớ sao trong giáo hoặc nói hai ba đến hàm thứ v.v... Phật tánh chẳng đồng?

Đáp: Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Chánh nhân Phật tánh là tâm chúng sinh vậy”. Lại nói: Phật tánh, chẳng gọi là một pháp, chẳng gọi là mười pháp. Chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là ngàn pháp, chẳng gọi là muôn pháp. Lúc chưa đắc Bồ-đề, tất cả thiện ác vô ký, đều gọi là Phật tánh. Nên biết lúc chưa đắc Bồ-đề, tất cả các pháp còn chẳng phải danh số, đâu hướng gì tỏ ngộ mà nói hai ba. Nhưng tuy mở hợp, một tánh không sai, căn cứ gốc ngọn nhân quả mà phân nhiều thứ. Trong luận Phật Tánh nói: “Phật tánh có ba thứ: Đó là ba nhân ba thứ Phật tánh. Ba nhân là: Một, ứng đắc nhân; Hai, gia hạnh nhân; Ba, viên mãn nhân. Ba nhân đây, nhân thứ nhất thì lấy vô vi như lý làm thể, hai nhân sau thì lấy hữu vi nguyện hạnh làm thể. Ba thứ Phật tánh là, trong ứng đắc nhân có đủ ba tánh: Một, tánh trú tự tánh; Hai, tánh dẫn ra; Ba, tánh đến đắc quả. Ba tánh đây lại thành ba tạng: Một, tạng sở gồm; hai, tạng ẩn che; Ba, tạng năng gồm. Sở gồm làm tạng là Đức Phật nói căn cứ trú tự tánh như như, tất cả chúng sinh và Như Lai tạng. Nói Như là, có hai nghĩa: Một, trí như như; Hai, cảnh như như, đều chẳng đảo nên gọi là như như. Nói Lai là, căn cứ từ tự tánh lại, lại đến đến được, đó gọi là Như Lai. Nên Như Lai tánh tuy nhân gọi là ứng đắc, mà quả gọi là chí đắc. Thể đó chẳng hai, chỉ do trong đực có khác. Lúc tại nhân là trái nghịch hai không nên khởi vô minh mà làm chỗ phiền não xen tạp nên gọi là nhiễm đực, tuy chưa tức hiển, hẳn sẽ có thể hiện, nên gọi là ứng đắc. Nếu lúc đến quả cùng hai không hợp, không trở lại hoặc lụy, phiền não chẳng nhiễm, gọi là thanh tịnh. Quả đã hiển hiện nên gọi là chí đắc. Nói tạng là, tất cả chúng sinh đều tại trong trí Như Lai, nên gọi là tạng, vì trí như như xứng cảnh như như vậy. Tất cả chúng sinh quyết định không có ra cảnh Như Lai là, đều là chỗ của Như Lai gồm giữ, nên gọi là sở tạng. Chúng sinh là Như Lai tạng; Hai, ẩn che làm tạng là, Như Lai tự ẩn chẳng hiện, nên gọi là tạng. Nói Như Lai là có hai nghĩa: Một, nghĩa hiện như chẳng điên đảo. Do vọng tưởng nên gọi là điên đảo, chẳng vọng tưởng nên gọi là như; Hai, nghĩa hiện thường trú. Tánh như đây từ tánh tự trú tánh lại đến đến lược, như thể chẳng biến khác, nên là nghĩa thường trú. Tánh Như Lai trước lúc trú đạo là phiền não ẩn che, chúng sinh chẳng thấy nên gọi là tạng; Ba, năng gồm làm tạng là, nghĩa là quả địa tất cả công đức nhiều hơn số cát sông Hằng trú Như Lai lúc ứng đắc tánh, gồm đó đã hết. Nếu lúc chí quả mới nói đắc tánh là, tánh đây bèn là vô thường. Tại sao? Chẳng phải như nay được nên biết là vốn có, cho nên nói thường, tuy nói ba nhân Phật tánh, chỉ là một tánh. Tại sao? Chánh nhân là vốn có, vì chúng sinh bất giác nên

bị khách trần lấp che. Như vàng trong quặng thể vàng chẳng hiện, cần nhờ công dó mới thành dụng vàng. Chánh nhân Phật tánh đây cũng lại như vậy, tại thiên chẳng hiện ở trong quặng phiền não, phải trước nhờ trí tuệ liễu nhân biết có khai phát, tiếp theo nhờ duyên nhân phương tiện hỗ trợ hiển bày mới thành đại dụng. Duyên dụng tuy phân, thể luôn một vị, chẳng động chúng sinh tánh mà thành Phật tánh vậy. Vì lý của trú tự tánh tại phàm mà tức chân, vì sự của tánh dẫn ra vậy, thành quả bà chẳng hư. Vì văn của ứng đặc, ở nhiễm mà sao mất, vì đạo của chí đặc, chứng thành mà không nghi ngờ. Lại nhân tự tánh có nên năng dẫn ra, ứng đặc chí của khắc chứng chẳng phải hư, như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Nhất-xiển-đề v.v... quyết định sẽ đặc thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Nay thiện nam! Thí như có người trong nhà có sữa lạc. Có người hỏi: Ông có tô ư? Đáp: Tôi có. Lạc thật chẳng phải tô, vì khéo phương tiện, quyết định sẽ được, nên nói có tô. Chúng sinh cũng như vậy, thấy đều có tâm. Phàm, có tâm là quyết định sẽ được thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, vì nghĩa đó nên ta thường nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”. Lại trong các kinh luận thông nói rõ bốn thứ Phật tánh: Một, nhân tánh, tức nhiễm tịnh duyên khởi; Hai, nhân nhân tánh, tức bên trong huân phát tâm; Ba, quả tánh, tức thủy giác đã viên; Bốn, quả quả tánh, tức bản giác đã hiển. Lại, thứ nhất, tùy duyên ẩn hiển. Thứ hai nêu khởi tịnh dụng, thứ ba nhiễm hết tịnh viên, thứ tư trở lại nguyên hiển thật. Lại, thứ nhất tự tánh trú tánh tức chánh nhân, thứ hai dẫn ra Phật tánh tức liễu nhân, thứ ba và tư đều là chí đặc quả tánh, tức nhân duyên. Lại, thứ nhất và hai lý trí trong nhân, thứ ba và tư lý trí trong quả. Nhân quả tuy khác mà trí chẳng khác lý, khế đồng không hai, chỉ một tâm chuyển, tuyệt tướng lìa ngôn, không gì chẳng bao dung, nên gọi là Phật tánh. Lại trong Niết-bàn sơ nói: “Niết-bàn chánh tánh có năm: Một, chánh tánh chẳng phải nhân, nhân chẳng phải quả, chẳng phải quả quả; Hai, nhân tánh, mười hai nhân duyên; Ba, nhân nhân tánh, chỗ mười hai nhân duyên sinh trí tuệ; Bốn, quả tánh, Tam-miệu Tam-bồ-đề; Năm, quả quả tánh, Đại Niết-bàn, tuy là phân biệt mà chỉ là một pháp”. Lại, xưa trước giải thích có ba thứ tánh: Một, lý tánh, nghĩa là chân như; Hai, hạnh tánh, nghĩa là chủng tử vô lậu; Ba, ẩn mật tánh, tức là trừ của trần lao. Ba tánh ẩn hiển tuy phân, một thể phàm Thánh cộng có. Lại ước về thường trú tùy duyên mà phân hai thứ Phật tánh: Một nghĩa thường trú. Trong kinh nói: Thuộc đó vị gốc để ở trong núi, như Bồ-tát Thường Bất Khinh kính bốn chúng v.v... vì Phật tánh đây lẫn lộn phiền não mà chẳng ô, hiển Bồ-đề mà chẳng tịnh, vì

thường trú chẳng biến vậy. Do đó, Bồ-tát chẳng dám khinh một chúng sinh nhỏ, vì Phật tánh chẳng hoại vậy; Hai, nghĩa tùy duyên. Trong kinh nói tùy chỗ lưu chuyển đó thành các thứ vị. Như Bồ-tát thường phẩm xót thương bốn chúng v.v... vì chân tâm chẳng giữ tự tánh, khắp thể tùy duyên mà làm nhân pháp. Trong kinh nói: Pháp thân lưu chuyển trong năm đường, gọi là chúng sinh, vì chúng sinh tùy duyên mất tánh, chẳng hay chẳng biết, do đó Bồ-tát thường sinh buồn thảm. Lại, chúng sinh Phật tánh đều có hai nghĩa: Một, sở y Phật tánh, như hai nghĩa trên: một là thường trú, hai là tùy duyên; Hai, năng ty tạp nhiễm: Thứ nhất duyên thành tự nghĩa có, thứ hai không tánh tức nghĩa không. Do nhiễm pháp có tức nghĩa không vậy, sở y Phật tánh thường thanh tịnh chẳng biến vậy, do nhiễm pháp có tự nghĩa đó vậy, sở y Phật tánh tùy duyên thành nhiễm vậy. Nên biết vì chúng sinh không tánh tức không vậy. Tại phạm chẳng phạm, vì pháp thân tùy duyên vậy, ở Thánh chẳng phải Thánh. Lại, vì chúng sinh duyên thành tự có nên Thánh chẳng là phạm. Về pháp thân thường trú chẳng biến nên phạm chẳng là Thánh, thì chân tục một khoảng, nhiễm tịnh luôn phân, phạm Thánh hai đường, chúng sinh và Phật không khác, dung thông như vậy mới rõ một tâm Phật tánh. Các bậc Cổ đức hỏi: Tất cả chúng sinh Phật tánh thường trú, là hiện tại, hay tương lai? Đáp: Ba đời đều thường.

Hỏi: Nếu hiện tại thường là chúng sinh tức Phật ư?

Đáp: Như con trong bào thai, há chẳng đồng dòng họ cha? Nếu hỏi cha dòng họ gì, sao trách già trẻ. Lại, Phật tánh chẳng phải tương lai hay hiện tại là, chỉ thấy lý đây, chẳng thể suy cầu phải tu đạo mới được, chẳng thể nói hiện tại, chỉ thấy lý đây thì nói về lý không sai, tu đạo mới được thì tùy sự chẳng lạm. Lại trong kinh Niết-bàn nói rõ sáu người mù sờ voi mỗi mỗi nói khác nhau, tuy nói chẳng chắc thật, cũng chẳng lừa voi. Như mỗi mỗi chấp năm ấm là không đại v.v... sáu pháp là Phật tánh, tuy nói chẳng nhằm mà cũng chẳng lừa sáu pháp, như bên trong cửa đầu chân, đã không có voi chẳng thể tức vậy. Bên ngoài cửa đầu chân cũng không riêng biệt voi chẳng thể lừa vậy. Chẳng phải tức chẳng phải lừa, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, mà được nói là voi. Chúng sinh Phật tánh cũng lại như vậy. Chẳng phải tức sáu pháp, chẳng phải lừa sáu pháp, chẳng phải trong chẳng phải ngoài nên gọi là Trung đạo, gọi là Phật tánh. Nếu thủ sáu pháp làm Phật tánh là, Phật tánh của nhiều người mù. Nếu lừa sáu pháp làm Phật tánh là, như chỉ hư không làm Phật tánh. Như chỗ các Bà-la-môn phỉ báng làm chỗ tiên dự hại. Thủ chẳng tức chẳng lừa trung đạo làm Phật tánh là như chỗ Đại vương

tôi trí thấy Phật tánh. Trong kinh Thập Địa nói: “Trong thân chúng sinh có Kim cang Phật tánh, giống như Nhật luân. Phật là giác. Người có giác của linh tri. Nay, Đệ nhất nghĩa không cùng đó làm tánh nên gọi là Phật tánh, chẳng phải tình không giác, chỉ trì tự thể được xưng là pháp. Nay chân tánh cùng đó làm pháp, nên gọi là pháp tánh, nên nói: Giả nói năng sở mà thật không sai, cố sao không sai? Đồng một tánh vậy, các thứ sách vở bên ngoài cũng nói Thiên địa muôn vật đồng vãng nhận nguyên khí của âm dương vậy.

Hỏi: Phàm nói Phật tánh, cảnh trí đều thấu, nên nói Bồ-đề Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề. Nói trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã, cố sao trong giáo nói: Tại trong hữu tình xưng là Phật tánh, tại trong vô tình xưng là pháp tánh?

Đáp: Ở tâm gọi là Phật tánh, ở cảnh gọi là pháp tánh, theo duyên tuy riêng biệt năng sở tự phân, căn cứ tánh thì vốn đồng, một thể không khác. Như bình chứa đựng đề hồ, tùy các đồ vật mà chẳng đồng, như nước phân sông biển, tùy theo dòng chảy mà được tên gọi. Một vị chân tâm cũng lại như vậy, phàm Thánh cảnh trí một khoảng không sai. Do đó trong kinh Pháp Vương nói: “Tất cả chúng sinh một tâm Phật tánh bình đẳng, vì đồng các pháp vậy. Chỉ vì chân tâm chẳng giữ tự tánh, tùy duyên chuyển động, ở xứ chuyển động lập tên khác đó”. Các bậc Cổ đức nói: Thí như châu ngọc xoay hướng đến vãng nguyệt thì ra nước, xoay hướng về mặt nhật thì ra lửa, một châu ngọc chưa từng khác, mà được tên của nước lửa. Vì thế châu ngọc là một, năng ứng hai duyên. Vả lại, như lúc vãng nguyệt làm duyên nước trong vãng nguyệt chưa từng không tánh lửa, lúc mặt nhật làm duyên lửa, trong mặt nhật chưa từng không tánh nước? Tại sao? Hai tánh cùng ngầm vậy. Chỉ duyên nước lửa sự có hơn kém, nên khiến hai tánh ngầm núp chẳng hiện, mỗi mỗi theo tự thể mà được tên nước hay lửa, chẳng phải toàn không tánh. Chân như một tâm cũng lại như vậy, tại trong hữu tình gọi là Phật tánh, tại trong vô tình gọi là pháp tánh. Một như chưa từng khác, mà được tên của pháp Phật. Vì chân như thể một, năng ứng hai duyên. Vả lại như hữu tình lúc chánh làm Phật duyên, hữu tình chưa từng không pháp tánh. Vô tình chánh lúc làm pháp duyên, vô tình chưa từng không Phật tánh. Tại sao? Hai tánh cùng ngầm vậy. Chỉ như sắc tâm sự có hơn kém mà hai tánh ngầm núp chẳng hiện, mỗi mỗi theo tự thể mà được tên pháp hay Phật. Chẳng phải toàn không tánh. Trong Thanh Lương Ký nói: “Pháp tánh tức là Phật tánh, nên trong kinh nói biết tất cả pháp tức tâm tự tánh. Nếu lấy tâm tánh làm Phật tánh là, không pháp nào chẳng

phải là tâm tánh, thì chẳng cách trong ngoài, mà thể chẳng phải trong ngoài, trong ngoài thuộc tướng. Tánh chẳng tướng đồng, sao có trong ngoài, nhưng mê một tánh mà biến thành, ngoài ngoài, đã Duy tâm, sao có chẳng phải Phật? Chỗ biến không thật nên nói tướng vách nói không Phật tánh. Vì tánh nói tướng, không gì chẳng phải tánh vậy. Như khói thân lửa, khói tức là lửa mà khói un lửa, nương tánh khởi tướng, tướng che mờ tánh, mà tướng tức tánh. Như nước thành sóng, sóng tức là nước, cảnh nhân tâm biến, cảnh chẳng khác tâm. Tâm nếu có tánh, cảnh sao chẳng phải có. Huống gì tâm và cảnh đều tức chân tánh, chân tánh chẳng hai, tâm cảnh đâu trái. Nếu vì tánh từ tướng chẳng ngại trong ngoài, nếu vì cảnh bên ngoài mà ví ở tâm, khiến kẻ có hay biết, tu hành làm Phật, tức là pháp của ngoại đạo tà kiến, nên phải thường chiếu, chẳng tức chẳng lìa, chẳng một chẳng khác, không chỗ lìa hoặc vậy. Nên biết Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, tùy vật mê ngộ, cưỡng nói thăng trầm. Lại, nay vì ngại vọng chấp, tất cả hữu tình vô tình có nghĩa Phật tánh, căn cứ chấp nghĩa đây tự có cạn sâu. Một, nghĩa là tinh thần hóa làm đất cây vàng đá, kiêu cánh mang hòn để thành ở con, tình biến chẳng phải tình, chẳng phải tình biến tình. Đó là tà kiến, chẳng khác ngoại đạo với chúng sinh chấp sinh cây cỏ có mạng nên chẳng thể vậy. Nếu nói không tình đồng một tánh thì ít gần tông cũng phải được ý. Kia vốn lập ý căn cứ ở chân như tự thể khắp cùng vậy, tánh của chân như không có hai vậy. Như trong kinh Niết-bàn nói: “Đệ nhất nghĩa không là Phật tánh vậy, trong tất cả pháp có tánh an lạc gồm cảnh theo tâm, không gì chẳng phải là tâm, sắc tánh trí tánh thể không hai vậy.” Những đoạn văn như vậy ở trong các kinh có đủ. Nay cho là đây giải thích thái tức thái quá, mất tình không tình hoại nơi tánh tướng. Nếu vì Đệ nhất nghĩa không của Niết-bàn gần thông tâm cảnh. Niết-bàn há có thể chọn lựa ở ngôi sỏi nói không tánh ư? Nay hiển bày ngay chánh nghĩa, nghĩa là tánh và tướng chẳng phải một chẳng phải khác, tình và chẳng phải tình cũng chẳng phải một hay khác. Nên phải giải thích là vì tánh từ duyên thì tình và chẳng phải tình khác. Một là như Niết-bàn chọn lựa bỏ vách tường ngôi sỏi v.v... vậy. Hai là, không hay chẳng hay là bên trong của chân tánh không tâm cảnh vậy. Ba là, không gì chẳng phải giác ngộ, vì không tình tánh dung giác tánh vậy. Nên trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Hỏi: Nếu pháp thân chư Phật lìa nơi sắc tướng, có sao năng hiện các thứ sắc tướng? Đáp: Tức pháp thân đây là sắc thể vậy, năng hiện ở sắc, chỗ gọi là từ xưa đến nay sắc tâm chẳng hai, vì sắc tánh tức trí vậy. Sắc thể không hình, nói là trí thân, vì trí tánh tức sắc vậy, nói

là pháp thân khắp tất cả xứ”. Nay lấy nghĩa của hai tánh tướng tức qua lại dung hòa mà nói vậy. Trong Bách Môn Nghĩa Hải nói: “Nghĩa là giác trần và tất cả pháp theo duyên không tánh, gọi là Phật tánh”. Trong kinh nói: Ba đời Phật chúng lấy không tánh làm tánh, tất cả xứ tùy rõ không tánh tức làm Phật tánh, chẳng vì hữu tình nên có chẳng vì vô tình nên không. Nay riêng nói về hữu tình là, khắp trong đời khuyên người làm đồ vật, thường ở nơi một sợi lông một mảy may, rõ thấy tất cả lý sự, không gì chẳng phải là Như Lai tánh, là khai mở Như Lai tánh khởi công đức, gọi là Phật tánh. Vậy biết sáu đường bốn loài núi sông đất liền, tình và chẳng phải tình đều đồng một tánh. Như Đức Thế Tôn sau cùng duỗi bày, nên cùng tận trở lại nguyên phẩm ba là bảo đó. Lại, trong kinh nói: “Bấy giờ Đức Thế Tôn nghịch thuận như vậy vào các thiền rồi, bảo khắp đại chúng: Ta dùng Bát-nhã thậm thâm quán khắp ba cõi tất cả sáu đường, các núi biển lớn đất liền hàm sinh. Ba cõi như vậy tánh căn bản lìa, rốt ráo tịch diệt, tướng đồng hư không, không danh không thức, trọn đoạn các hữu, xưa nay bình đẳng không tướng cao thấp, không thấy không nghe, không hay không biết, không thể trói buộc không thể giải thoát, không chúng sinh không thọ mạng, chẳng sinh chẳng khởi chẳng tận chẳng diệt, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng phải thế gian. Niết-bàn sinh tử đều không thể được. Hai khoảng bình đẳng, đồng các pháp vậy, nhàn cư lắng trú không chỗ hành xử, rốt ráo an đặt hẳn chẳng thể được, từ pháp không trú, pháp tánh thi vi, đoạn tất cả tướng, không một chỗ có, pháp tướng như vậy, biết được đó gọi là người xuất thế. Sự ấy không biết gọi là đầu mối sinh tử. Trong đại chúng, các ông nên đoạn vô minh, diệt đầu mối sinh tử”. Lại bảo đại chúng: Ta dùng Ma-ha Bát-nhã quán khắp ba cõi hữu tình vô tình tất cả nhân pháp thấy đều rốt ráo không trình bày, không giải thoát, không chủ không nương, chẳng thể gồm giữ, chẳng vượt ngoài ba cõi, chẳng vào các hữu, xưa nay thanh tịnh, không dơ không phiền não, cùng đồng hư không, chẳng bình đẳng chẳng phải chẳng bình đẳng, hết các động niệm, tâm tư tưởng dứt, pháp tướng như vậy, gọi là Đại Niết-bàn, chân thật thấy pháp đây gọi là giải thoát. Phạm phu chẳng biết, gọi là vô minh”. Nói lời ấy rồi, lại vào siêu thiền, từ sơ thiền ra cho đến vào định diệt tận, từ định diệt tận ra cho đến vào sơ thiền, như vậy thuận nghịch vào siêu thiền rồi, lại bảo đại chúng: “Nay ta dùng Phật nhãn quán khắp ba cõi tất cả các pháp vô minh bản tế tánh vốn giải thoát, ở mười phương cầu trọn chẳng thể được, căn bản không vậy. Sở nhân cảnh lá thấy đều giải thoát, vô minh giải thoát vậy, cho đến già chết đều được

giải thoát. Vì nhân duyên đó, nay ta an trú tịch diệt quang gọi là Đại Niết-bàn”. Như trên chân thật là văn của đấng cha từ tâm Bi rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn ba lần tuyên bảo đại chúng. Hoặc có người tình cờ gặp giáo đây, có thể chẻ xương làm bút, lột da làm giấy, chích máu làm mực mà biên chép đó, chẳng thể khoanh khắc tạm quên sát-na mất chiếu. Vả lại như trong đoạn văn thứ nhất nói: Quán khắp ba cõi tất cả sáu đường, các núi biển lớn đất liền hàm sinh, ba cõi như vậy, tánh căn bản lia, rốt ráo tịch diệt. Đoạn văn thứ hai nói: Quán khắp ba cõi hữu tình vô tình tất cả muôn pháp thấy đều rốt ráo. Đoạn văn thứ ba nói: Quán khắp ba cõi tất cả các pháp, vô minh bản tánh vốn giải thoát. Vì vậy trong khắp pháp giới trong khắp mười phương hoặc có tình hoặc không tình hoặc có tánh hoặc không tánh, núi sông đất liền cỏ cây người vật, chẳng tại ba cõi chẳng vượt ngoài ba cõi, chẳng tùy sinh tử chẳng trú Niết-bàn, đều đồng chân như diệu tánh một tâm, tin hiểu như vậy chóng vào Nhất thừa. Lại không văn từ nào bí mật năng vượt ngoài ý chỉ đây. Lìa đây có nói đều là quyền bày, dẫn dụ đề huề đều về Tông Kính.

Hỏi: Đã nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, cố sao trong kinh Niết-bàn nói hoặc có Phật tánh người xiển-đề người có thiện căn không đồng?

Đáp: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Trong kinh căn cứ thiện ác vô ký lý quả v.v... qua lại nói có không. Trong Tiến Phước Sở nói: Nay chuẩn cứ theo kinh nói rõ Phật tánh lược có năm thứ: Đó là thiện, bất thiện, vô ký và lý quả v.v... Nay nói Nhất-xiển-đề người có thiện căn không là, đây là bất thiện Phật tánh vậy. Nhưng người thiện căn có hai thứ đó: Một là, người thiện căn lìa dục, lìa dục đoạn tất cả bất thiện vậy. Hai là, hàng Ngũ trú trở lên, Ngũ trú trở lên không tánh bất thiện. Hai hạng người ấy đều không tánh bất thiện. Người thiện căn có người xiển-đề không? Đây là thiện Phật tánh vậy, xiển-đề đoạn tất cả thiện nên nói là không vậy. Hai người đều có là, lý và vô ký vậy. Hai người đều không là, đều không quả tánh vậy. Trong kinh Niết-bàn nói: “Như Lai Phật tánh thì có hai thứ: Một là có, hai là không. Có tức chỗ gọi là ba mươi hai tướng cho đến vô lượng Tam-muội, đó gọi là có, không tức chỗ gọi là Như Lai ở quá khứ và vị lai các nghiệp nhân thiện bất thiện vô ký quả báo phiền não, năm ấm mười hai nhân duyên, đó gọi là không. Cho đến xiển-đề Phật tánh cũng vậy”. Vậy thì trên từ nơi Phật dưới đến xiển-đề đều có hai tánh có không, chẳng phải toàn không tánh. Vậy biết chỉ căn cứ ba tánh và quả mà luận bàn có không, nếu nói

lý tánh còn không phàm Thánh đâu nói có không, thì căn cứ lý không chẳng đủ. Do đó, Pháp sư Đạo Sinh nói: “Phàm, bả chất nhị nghi (trời đất) đều là Niết-bàn chánh nhân, xiển-đề cũng loại hàm sinh, cớ sao riêng không Phật tánh?” Bởi vì kinh đó độ chưa hết vậy, nên Pháp sư Đạo Sinh nhẫn chết mười năm, để chứng ý chỉ đó, mãi đến lúc phần sau của kinh Niết-bàn truyền đến, quả thật còn có văn đó, bèn ngồi trên tòa sư tử nhân đó bèn thị tịch.

Hỏi: Như trên quyết định nói tất cả chúng sinh có Phật tánh, chúng sinh đã đầy đủ, cớ sao chẳng khỏi trầm luân?

Đáp: Chúng sinh tuy đủ chánh nhân mà không duyên liễu. Do đó, trong kinh Viên giác nói: “Chưa ra khỏi luân hồi mà biện rõ Viên giác, thì tánh Viên giác kia tức đồng lưu chuyển. Nếu khỏi luân hồi thì điều ấy không thể có”. Nên các bậc tiên đức có kệ tụng nói:

*“Viên thành chìm biển thức
Lưu chuyển như bèo trôi”.*

Là vì chân như Bản giác chẳng giữ tự tánh. Vì không tánh nên chỉ tùy duyên chuyển. Như nói pháp thân lưu chuyển trong năm đường nên gọi là chúng sinh, phải nên dùng phương tiện khéo léo khai phát đó, dùng trí chiếu hỗ trợ đó. Bởi vì duyên liễu lúc rõ thấy mới trốn vượt cảnh trói buộc. Như trong Khởi Tín Sao nói: Vả lại, phàm chân đó và vọng, đều nương chỗ nói của một pháp giới tâm. Bởi vì tâm đây có thể có dụng. Thể của tức dụng thì mênh mông không tịch, dụng của tức thể thì rõ ràng hay biết”. Vì từ thời vô thủy đến nay mê nên ở xứ của không tịch, rõ ràng căn thân trần cảnh, ở xứ của rõ biết thì rối ren phân biệt duyên niệm. Nên trong Triệu Luận nói: “Pháp thân ẩn bên trong của vô hình, chân trí ẩn bên trong của duyên lực. Nhưng vô hình duyên niệm đó xưa nay thể không, không tịch hay biết xưa nay chẳng biến, chân của chẳng biến xưa nay tùy duyên vọng của thể không xưa nay thành sự, chẳng phải nhân tạo tác pháp nhĩ như đây, thân tâm chúng sinh hiện nay như đây, tức căn cứ nghĩa đây để rõ nghĩa tướng của duyên nhiếp tịnh vậy. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật bảo: Này thiện nam! Như lời ông nói, nếu Nhất-xiển-đề có Phật tánh cớ sao chẳng ngăn tội của địa ngục? Này thiện nam! Trong Nhất-xiển-đề không có Phật tánh. Này thiện nam! Thí như có vị vua nghe âm thanh không hầu, âm thanh đó thanh diệu, tâm sinh đấm trước, mừng vui mến nghĩ, tình chẳng bỏ lia, bảo Đại thần rằng: Âm thanh vi diệu như vậy từ xứ nào ra? Đại thần đáp: Âm thanh vi diệu đó từ không hầu ra. Vua lại bảo: Đem âm thanh đó lại đây. Khi đó, Đại thần đem không hầu đến đặt trước vua mà nói:

Đại vương nên biết đây là âm thanh đó. Vua bảo: Không hầu phát ra âm thanh, phát ra âm thanh mà âm thanh không hầu cũng chẳng ra. Khi ấy vua bèn bứt đứt dây không hầu, âm thanh cũng chẳng phát ra, lấy da gỗ đó thấy đều xé nát tìm kiếm âm thanh đó, trọn chẳng thể được. Khi ấy vua sân giận bảo Đại thần: Cớ sao nói hư dối vậy? Đại thần thưa: Phàm, lấy âm thanh pháp chẳng như vậy, nên dùng các duyên phương tiện khéo léo âm thanh mới phát ra. Chúng sinh Phật tánh cũng lại như vậy, không có trú xứ, dùng phương tiện khéo léo nên có thể thấy, vì có thể thấy nên đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Hạng Nhất-xiển-đề chẳng thấy Phật tánh, làm sao có thể ngăn ngừa tội ba đường xấu ác? Nay thiện nam! Nếu Nhất-xiển-đề tin có Phật tánh, phải biết người đó chẳng đến ba đường xấu ác, đó cũng chẳng gọi là Nhất-xiển-đề vậy. Vì chẳng tự tin có Phật tánh nên tức đọa ba đường xấu ác, nên gọi là Nhất-xiển-đề”. Vậy biết tất cả chúng sinh tuy có chánh nhân. Chẳng được trọn duyên nên uổng chìm trong sinh tử, vì chẳng biết nên cam xưng là hạ phàm, vì chẳng nghe nên chẳng thân gần bạn lành, thường mê mất trí, đâu có liễu nhân, luôn tập ác duyên, sao thành gốc thiện. Nay vì người chưa nghe rộng sâu tìm bí tạng, phát khởi tín tâm. Vì hạng người chưa nghe chỉ ngay nguồn tâm rõ ràng không kẹt. Vì đã nghe là trí tuệ khai phát, muôn thiện vốn luân, vì đã nghe là một hướng giữ gìn lý hạnh thành tựu, có lợi ích sâu xa ấy, đâu nhằm chán văn nhiều, mong khắp các hàng hậu hiền, rộng duỗi truyền trao.

Hỏi: Phật tánh nếu quyết định có không, tức thành kiến của đoạn thường, làm sao thể hội lý hợp chánh nhân?

Đáp: Chẳng phải một chẳng phải khác, năng khế hợp môn Nhất thừa. Cũng có cũng không, chẳng phải báng tánh của ba chân. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật dạy: Nay thiện nam! Nếu có người nói tất cả chúng sinh quyết định có Phật tánh, thường lạc ngã tịnh chẳng làm chẳng sinh, do nhân duyên phiền não nên chẳng thể thấy. Nên biết người đó phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói: Tất cả chúng sinh đều không Phật tánh, giống như sừng thỏ từ phương tiện sinh, vốn không nay có, đã có trở lại không, phải biết người đó phỉ báng Phật Pháp tăng. Nếu có người nói chúng sinh chẳng phải có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Tại sao? Hư không thường vậy, cho nên được nói cũng có cũng không, có phá sừng thỏ không phá hư không. Người nói như vậy chẳng phỉ báng Tam bảo.

Hỏi: Giáo nói lý của một tâm Phật tánh, có nhân duyên gì được thiện lợi gì?

Đáp: Phật nhãn quán sát chắc thật, chánh lý chẳng sai nhầm, nếu người quyết định tin thọ thì trừ năm thứ lỗi lầm, mà sinh năm thứ công đức. Như trong luận Phật Tánh nói: “Đức Như Lai vì trừ năm thứ lỗi lầm, phát sinh năm thứ công đức, nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”. Trừ năm thứ lỗi lầm là: Một, vì khiến chúng sinh lìa tâm hạ liệt vậy. Có các chúng sinh chưa nghe Phật nói có lý Phật tánh, chẳng biết tự âm hản sẽ có được nghĩa Phật. Nên ở thân đây khởi tưởng hạ liệt, chẳng năng phát tâm Bồ-đề. Hai, vì người lìa mạn hạ phẩm. Nếu có người từng nghe Phật nói chúng sinh có Phật tánh, nhân đó mà phát tâm, đã phát tâm rồi, bèn cho là ta có Phật tánh nên năng phát tâm, và sinh ý tưởng khinh mạn, cho là người khác chẳng năng. Vì phá chấp đó nên Đức Phật nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Ba, vì lìa hư vọng chấp, nếu người có mạn tâm đây, thì đối với như lý như lượng chánh trí chẳng phải được sinh hiển bày, nên khởi hư vọng. Hư vọng là lỗi lầm chúng sinh. Lỗi lầm có hai: Một là, vốn không; Hai là, khách. Vốn không là, như trong như lý vốn không nhân ngã mà làm chấp nhân ngã, chấp đây vốn không cho đến, nên biết năng chấp đều thành hư vọng. Do chỗ chấp đây khởi vô minh các nghiệp quả chấp đều là hư vọng, không thọ giả tác giả mà ở trong chấp có hư vọng, nên nói vốn không. Khách là, các pháp hữu vi đều niệm niệm diệt, không nghĩa dừng trú, thì mắng năng và sở mắng cả hai chỗ không có. Chỉ sát-na đầu làm cũ, sát-na kế tiếp làm khách, năng mắng sở mắng khởi mà tức rơi rụng. Vậy thì sát-na đầu là oán, sát-na kế tiếp thì chẳng phải oán. Vì ở trong khách làm chấp cũ, chấp đó chẳng thật nên gọi là hư vọng. Nếu khởi chấp đó thì chánh trí chẳng sinh. Vì trừ chấp đó nên nói Phật tánh, Phật tánh, tức là nhân không pháp không chỗ hiển bày chân như, do chân như nên không năng mắng sở mắng, thông đạt lý đây lìa chấp hư vọng; Bốn, vì trừ dèm pha phỉ báng pháp chân thật. Mọi sự lỗi lầm của tất cả chúng sinh đều là hai không. Do giải không đây nên chỗ khởi công đức trí tuệ thanh tịnh đó gọi là chân thật. Nói dèm pha phỉ báng là, nếu chẳng nói Phật tánh thì chẳng rõ không, bèn chấp thật có, trái nghịch phỉ báng chân như, công đức tịnh trí đều chẳng thành tựu; Năm, lìa ngã chấp. Nếu chẳng thấy lỗi lầm hư vọng và công đức chân thật, ở trong chúng sinh chẳng khởi đại bi, do nghe Phật nói Phật tánh nên biết hư vọng lỗi lầm và công đức chân thật, thì ở trong chúng sinh khởi tâm đại bi, không có đây kia nên trừ ngã chấp. Vì nhân duyên năm nghĩa đây, mà Đức Phật nói Phật tánh có năm thứ công đức: Một, khởi tâm chánh cần; Hai, sinh ý cung kính; Ba, sinh Bát-nhã; Bốn, sinh xà-na; Năm, sinh đại bi. Do năm công

đức năng lật lại năm lỗi lầm. Do chánh cần nên lật lại tâm hạ liệt, do cung kính nên lật lại ý khinh mạn, do Bát-nhã nên lật lại vọng tưởng chấp, do sinh Xà-na trí thế tục năng sở hiển bày thật trí và các công đức nên lật lại phỉ báng chân pháp. Do tâm đại bi từ niệm bình đẳng, nên lật lại ngã chấp, cho đến, do Bát-nhã nên chẳng xả bỏ Niết-bàn, do đại bi nên chẳng xả bỏ sinh tử, do Bát-nhã nên thành tựu Phật pháp, do đại bi nên thành tựu chúng sinh. Vì vậy, nếu rõ tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tự nhiên chẳng phỉ báng chẳng khinh mạn, chẳng lỗi lầm, chẳng trái nghịch. Tại sao? Vì chúng sinh diệu nên đều chẳng thể nghĩ bàn. Như Đức Phật tại trong Trúc Lâm nói pháp, trao chim bồ câu trắng tên gọi kiếp, nước ghi của tám tướng. Các Đại Bồ-tát v.v... thấy đều tỏ bày sám hối, đều nói: Nếu trí chưa bằng Đức Như Lai, chúng ta từ nay về sau chẳng dám cân lường bấu với chúng sinh. Hòa thượng Kiên nói: Ta thấy chim quạ già tại trên sinh bàn xoay đầu chuyển não, bèn toàn thể thấy pháp thân nó. Lại có vị quan thế tục vào chùa cùng Hòa thượng bâng Sơn lên chánh điện, hỏi: Chim sẻ nhỏ này có Phật tánh chăng? Hòa thượng đáp: Có. Lại hỏi: Đã có Phật tánh vì sao đến trên đầu Phật ư? Hòa thượng bảo: Nó sao chẳng đến trên đầu chim dao ư?

Hỏi: Phật tánh ở trong năm mắt, mắt nào năng thấy?

Đáp: Trong kinh Niết-bàn nói: “Mắt Phật thấy đó mà được sáng rõ, vì mắt Phật thấy tất cả mọi sự đẹp xấu sai biệt v.v... thấy đều chẳng động, là thấy tánh vậy”. Trong kinh Duy-ma nói: “Khéo năng phân biệt tướng các pháp ở Đệ nhất nghĩa mà chẳng động”. Đây là tâm soi xét vô ngại làm mắt chẳng phải lấy chỗ căn trần đối đãi, vì là mắt thịt thấy thô, mắt trời thấy tế, mắt tuệ rõ không, mắt pháp biện rành có, mắt Phật quán chẳng hai tướng, lý của một thật. Trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Lìa thế gian nói mười mắt, đó là: Mắt thịt thấy tất cả sắc, mắt trời thấy tâm tất cả chúng sinh, mắt tuệ thấy các pháp căn cảnh giới của tất cả chúng sinh, mắt pháp thấy thật tướng tất cả pháp, mắt Phật thấy mười lực của Như Lai, mắt trí thấy các pháp, mắt quang minh thấy ánh sáng Phật, mắt ra khỏi sinh tử thấy Niết-bàn, mắt vô ngại chỗ thấy không chướng ngại, mắt Nhất thiết trí thấy môn khắp pháp giới. Lại chỗ mắt tuệ thấy, không pháp có thể thấy, nên gọi là thấy, thấy pháp không nên gọi là mắt tuệ, chẳng phải riêng, mắt tuệ năng thấy, năm mắt đều hiện, năm mắt như vậy chiếu như ngàn mặt nhật, ở trong của mười phương không xứ chẳng thấy, ở tất cả xứ địa bằng phẳng như bàn tay, không các dơ xấu, nếu có thể thấy tức là sinh mù. Tại sao? Không chỗ thấy vậy, phải biết không không, sắc không đều khiến trừ. Lại thấy tất cả

trần toàn là mắt, lại chẳng thể thấy, nghe tất cả âm thanh toàn là tai chẳng đổi lại nghe. Do đó nói, tất cả âm thanh là âm thanh Phật, tất cả sắc là sắc Phật. Lại nói: Lìa bên ngoài của tâm lại không một pháp, giả sử thấy trong ngoài chỉ là chỗ thấy của tự tâm không riêng biệt trong ngoài. Đây không lỗi vậy. Cho đến nếu lúc rõ trần, trần toàn là biết vậy, trọn chẳng vì biết biết ở trần tức có chỗ biết vậy, nếu biết ở không biết chẳng khác biết vậy. Nay trần tức biết chẳng trở lại vì biết và chẳng biết biết ở không biết, chỉ không biết của năng biết, chẳng phải không biết vậy, đây mới hiển bày không biết vậy. Trong kinh nói: “Hiển hiện tất cả pháp, mỗi mỗi chẳng biết nhau, thấy cũng như vậy”. Lại, nghe là Viên giáo nói rõ ngã, ngã tức là nghe vậy. Năng nghe sở nghe đều pháp giới vậy. Nên khiến bên ngoài ngã lại không riêng biệt nghe. Vì vậy, hoặc thấy hoặc nghe hoặc biết hoặc hay, đều một tâm vậy. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Chỗ thấy chẳng thể thấy, chỗ biết chẳng thể biết, một tâm chẳng nghĩ bàn”.

Hỏi: Năm mắt phàm Thánh đều có, thì chúng sinh đủ mắt Phật, Như Lai có mắt thịt, cớ sao chỉ mắt Phật năng quán? Bồ-tát Thập Trú v.v... chẳng thấy Phật tánh.

Đáp: Vì Bồ-tát Thập Trú có hành có trí, do đó chẳng rõ ràng thấy, nếu lúc thấy tánh rõ ràng chứng thật, chẳng thấy bên ngoài mình lại có Bồ-đề có thể hành có thể trí, vì quả vị Thập Trú duyên quán chưa cùng tận vậy, tâm có chỗ ở. Tâm có chỗ ở nên có chỗ chẳng ở, cho nên chẳng năng thấy tất cả pháp, đến quả vị Phật dứt duyên, chân tâm bình đẳng không xứ chẳng ở, không đâu chẳng ở nên không có một pháp ở bên ngoài tâm cũng không một tâm ở bên ngoài pháp. Tâm và pháp giới đồng thể chiếu sáng, nên hay biết tất cả. Lại, tâm tánh đây là nghĩa rõ biết chân thật, nghĩa chiếu khắp pháp giới. Vì vốn có là sở chiếu, vì mắt sạch trí sáng là năng chiếu. Như trong kinh Niết-bàn nói: “Thấy tánh mắt thịt tức gọi là mắt Phật.” Trong kinh Đại Niết-bàn nói rõ có hai thứ thấy Phật tánh: Một, tướng mạo thấy, Hai, rõ ràng thấy. Tướng mạo thấy, nghĩa là Bồ-tát đẳng địa với quyền trí phương tiện thức biến tợ không, gọi là tướng mạo thấy. Rõ ràng thấy, nghĩa là Bồ-tát Địa thượng chánh trí căn bản thân chứng chân lý chẳng biến tướng duyên, gọi là rõ ràng thấy, hiện lượng được.

Hỏi: Đã nói mắt Phật năng quán Phật tánh, cớ sao trong giáo lại nói Ta dùng năm mắt chẳng thấy. Ba tụ chúng sinh cuồng ngu không mắt mà nói thấy ư?

Đáp: Nếu căn cứ thật tướng thể tánh khắp cùng pháp giới, vì thật

tướng không tướng vậy thì chẳng thể thấy. Nếu luận về chiếu dụng tướng khắp cùng pháp giới. Vì tướng của không tướng cũng có thể được thấy. Lại, năm mắt viên chiếu, lý của Ba đế, các cảnh phân minh, tuy nói soi suốt chưa hẳn là có, tuy nói chẳng thấy chưa hẳn là không, đó mới là tướng của không tướng, quán của chẳng quán, phải biết trong tướng không tướng, chỉ chớ trong tướng quán không quán, chỉ chớ quán thể muôn vật mà tự hư, đồng thanh tịnh của một Đạo, đầu đồng chấp thật tùy trần là năng sở kiến của đoạn thường ư?

Hỏi: Phàm, mắt Phật đều là viên tu viên chứng mới đủ, Bồ-tát Thập Trú còn chưa phân minh. Cớ sao phàm phu vô minh phiền não còn chưa được mắt trời mà vì sao được đồng mắt Phật?

Đáp: Năm mắt của Như Lai, chúng sinh đều đủ chẳng phải đợi chứng Thánh mới có. Trong kinh Niết-bàn nói: “Nếu người học Đại thừa, tuy là mắt thịt mà gọi là mắt Phật. Hàng Nhị thừa tuy đủ mắt trời mà chẳng gọi là mắt Phật”. Lại nói thấy tánh Như Lai tức là mắt thịt mà rõ mắt Phật, vì trí chiếu làm mất vậy. Thai giáo căn cứ có năm phẩm trong vị thứ nhất, dùng tâm phàm phu đồng chỗ biết của Phật, dụng chỗ mắt chúng sinh bằng Như Lai thấy. Nếu luận về tối sáng cạn sâu tức lạc về tu chứng, nay luận ngay thấy tánh tức không trước sau. Do đó, trong kinh Ương-quật-ma-la có kệ tụng nói:

*“Nói là nhãn căn kia,
Ở các Như Lai thường,
Đầy đủ không giảm tu,
Rõ ràng rành rẽ thấy”.*

Trong luận Chỉ Quán giải thích: Kia là chín pháp giới nhãn căn vậy. Ở Như Lai thường là, chín giới tự cho là mỗi mỗi chẳng phải chân. Như Lai quán đó tức Phật pháp giới không hai không riêng biệt. Không giảm tu là, quán các mắt tức là mắt Phật. Một tâm ba đế viên nhân đầy đủ không có khuyết giảm vậy. Rõ ràng rành rẽ thấy là, chiếu thật là rõ ràng (liễu liễu) chiếu quyền là rành rẽ (phân minh), trong ba trí một tâm năm mắt đầy đủ viên chiếu, gọi là rõ ràng thấy Phật tánh vậy. Thấy là luận về viên chứng, tu là luận về viên nhân. Lại, đầy đủ tu là quán ở nhãn căn, xả bỏ lậu hai biên, gọi là đàn, nhãn căn chẳng là chỗ hai biên thương tổn, gọi là thi. Nhãn căn tịch diệt chẳng là chỗ hai biên động, gọi là Sần-đề, nhãn căn và thức tự nhiên chảy vào biển Tát-bà-nhã, gọi là tinh tấn. Thật tánh nhãn căn gọi là Thượng định. Vì nhất thiết trí chiếu nhãn trung đạo, gọi là trí tuệ, là vì nhãn căn đầy đủ không giảm tu, không giảm nên rõ ràng rành rẽ, thấy nhãn pháp giới cho đến ý căn

kia, ở các Đức Như Lai thường đầy đủ, không giảm tu rõ ràng ràng rẽ thấy ở mỗi mỗi căn, tức không tức giả tức trung, ba quán một tâm gọi là không giảm tu. Chứng tuệ nhãn pháp giới, được trong mắt Phật một tâm, gọi là rõ ràng thấy, đều như nói ở trên. Căn đã như đây trần cũng như vậy, tất cả các pháp cũng lại như vậy. Đó là viên giáo điều phục các căn đầy đủ sáu độ. Đây thì cứu cánh điều phục, cứu cánh đầy đủ, trợ Đạo như vậy trợ đạo cứu cánh, phải biết sáu độ khắp cùng năng đều phục tất cả các căn. Lại, nếu luận về sai biệt, thì các trời là báo được, hàng Nhị thừa là tu được. Tông môn ta đây chẳng phải báo chẳng phải tu, là phát được. Năm mất vì vốn tròn đầy đặn, nếu người ngộ Phật thừa, tuy có đủ tánh phiền não, nhưng năng biết tạng bí mật của Như Lai, tức mất thịt gọi là mất Phật. Hạng người Nhị thừa tuy chứng diệt tu đạo đầy đủ lậu tận thông, tức mất trời mà là mất mờ. Do đó, Hòa thượng Chí Công nói: “Đại sĩ mất thịt viên thông, Nhị thừa mất trời có màng.” Đại sư Đạo Dung nói: “Chẳng thủ mất trời v.v... năm thông mà tạo nghiệp ngoại đạo, chỉ thủ phạm phu vào lý vậy.”

Tông Kính Lục quyển 80 hết.